

Bản án số: 12/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 13-4-2022.

“V/v Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Đạt.

2. Bà Mai Thị Bỉ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Tấn Phát- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 221/2020/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định xét xử số 14/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S, sinh năm: 19xx Có mặt.

Địa chỉ: Số xx ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L.

2. *Bị đơn:* Ông Phan Công K, sinh năm 19xx. Có mặt.

Địa chỉ: Số xx ấp B, xã B, huyện T, tỉnh L

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày: Do có quen biết, bà và ông Phan Công K sống chung năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã N cấp ngày xx/19xx. Vợ chồng chung sống đến

năm 2016 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp với nhau. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ nên yêu cầu ly hôn với ông Phan Công K.

Nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Phan Minh T, sinh ngày xx/xx/19xx và Phan Nguyễn Minh T1, sinh ngày x/x/200x. Con chung đã trưởng thành, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

Trong đơn khởi kiện bà yêu cầu Tòa án chia tài sản chung do vợ chồng là: Nhà máy xay xát lúa gạo thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Công K có giàn máy xay xát, 01 bồn màu, 12 lò sấy lúa, 05 máy nén trấu, 02 xe nâng; Các quyền sử dụng đất thửa 387, 385, 386 cùng tờ bản đồ số 16 và các thửa 407, 458, 459, 461, 460, 457, 456, 455, 454 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp B xã B, huyện T, tỉnh L; Thửa đất 127 tờ bản đồ số 26 tọa lạc khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Xe ô tô hiệu Camry biển số 62A- 136-xx; Xe mô tô biển số 62H1-067.xx; 02 xe đạp thể thao; các xe máy biển số 62H1- 067.xx, 62B1-562.xx, 62H1-056.xx, 62H1-001.xx, 62K1-xx79. Nay bà xác định rút yêu cầu chia tài sản chung để bà và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Công K trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà S về thời gian vợ chồng chung sống, ly thân, con chung. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do bất đồng về kinh tế, bà S có tài sản riêng và không muốn liên quan đến ông nên yêu cầu ly hôn. Ông xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm và mong muốn vợ chồng đoàn tụ, không đồng ý ly hôn.

Nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Phan Minh T, sinh ngày xx/x/19xx và Phan Nguyễn Minh T1, sinh ngày x/4/200x. Con chung đã trưởng thành, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An phát biểu:

- Về hình thức: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách các đương sự, giải quyết vụ án đúng thời hạn quy định. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã tuân theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu S ly hôn với ông Phan Công K.

Nuôi con chung: Bà Sương và ông K có con chung tên Phan Minh T, sinh ngày xx/5/19xx và Phan Nguyễn Minh T1, sinh ngày xx/4/200x. Con chung đã trưởng thành, bà S và ông K không yêu cầu giải quyết.

Tài sản chung: Bà S rút yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S về việc chia tài sản chung với ông Phan Công K. Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Nghĩa vụ trả nợ: Bà Sg, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thu S có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, chia tài sản với ông Phan Công K và ông K hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà S và ông K cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ năm 20xx cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà S và ông K có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân xã N, thị xã T (nay là thành phố T), tỉnh L cấp ngày 23/6/19xx, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Tại phiên tòa ông K xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn mong muốn được đoàn tụ nhưng ông K xác định không có phương pháp để vợ chồng đoàn tụ và bà S cương quyết xin ly

hôn nên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà S và ông K trầm trọng và không có khả năng đoàn tụ nên chấp nhận theo yêu cầu xin ly hôn của bà S.

[3] Về nuôi con chung: Bà S và ông K có con chung tên Phan Minh T, sinh ngày x/5/19xx và Phan Nguyễn Minh T1, sinh ngày x/4/200x. Con chung đã trưởng thành, bà S và ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Chia tài sản chung:

[4.1] Tại phiên tòa, bà S xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và rút yêu cầu chia tài sản chung là Nhà máy xay xát lúa gạo thuộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Công K có giàn máy xay xát, 01 bồn màu, 12 lò sấy lúa, 05 máy nén trấu, 02 xe nâng; Các quyền sử dụng đất thửa 387, 385, 386 cùng tờ bản đồ số 16 và các thửa 407, 458, 459, 461, 460, 457, 456, 455, 454 cùng tờ bản đồ số 17 tọa lạc ấp B, huyện T, tỉnh L Thửa đất 127 tờ bản đồ số 26 tọa lạc khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh L; Xe ô tô hiệu Camry biển số 62A- 136-xx; Xe mô tô biển số 62H1-067.xx; 02 xe đạp thể thao; các xe máy biển số 62H1-067.xx, 62B1-562.xx, 62H1-056.xx, 62H1-001.xx, 62K1-78xx nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu này của bà S.

[4.2] Ông K xác định tài sản chung của vợ chồng đã tự thỏa thuận chia theo văn bản ngày 18/6/2019 giữa ông và bà S có thỏa thuận phân chia tài sản như sau: Bà S được hưởng tài sản là Quyền sử dụng đất thửa 44 và 100 cùng tờ bản đồ số 7 tọa lạc xã H, huyện T, tỉnh L; Quyền sử dụng đất thửa 320, tờ bản đồ số 3 diện tích 3.300m² tọa lạc xã N, thành phố T, tỉnh L; Quyền sử dụng đất thửa 38, 783 cùng tờ bản đồ số 17 diện tích 1.377,2m² tọa lạc xã B, huyện T, tỉnh L. Ông K được hưởng quyền sử dụng đất thửa 386, 385, 387 cùng tờ bản đồ số 16 tọa lạc xã H, huyện T, tỉnh L; Quyền sử dụng đất thửa 454 tờ bản đồ số 17 tọa lạc xã H, huyện T, tỉnh L nhưng sau khi ông ký văn bản cho bà S hưởng các tài sản trên, bà S không làm thủ tục cho ông hưởng phần tài sản của ông. Tại phiên tòa, ông K không yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Ông K có yêu cầu nhập vụ án hủy văn bản công chứng ngày 18/6/2019 giữa ông và bà S. Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ đã thụ lý vụ án hủy văn bản công chứng của ông K. Xét, đây là hai quan hệ tranh chấp khác nhau, không có ảnh hưởng đến quyết định của vụ án này nên không cần thiết phải nhập vụ án. Vụ án hủy văn bản công chứng của ông K sẽ được giải quyết theo thủ tục chung.

[5] Nghĩa vụ trả nợ: Bà Sg xác định vợ chồng không có nợ chung. Ngược lại, ông K cho rằng vợ chồng có nợ chung. Tại Biên bản hòa giải ngày 05/02/2021 ông K xác định không có nợ chung nhưng tại Biên bản hòa giải ngày 14/02/2022 ông K xác định vợ chồng có một số nợ chung. Tòa án có ra Thông báo cho ông K cung cấp nợ chung của ông và bà S nhưng ông K không cung cấp và tại phiên tòa ông K và bà S không yêu cầu giải quyết nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[6] Án phí: Buộc bà S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51; Điều 56 và Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thu S về việc “Ly hôn” với ông Phan Công K.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Thu S và ông Phan Công K.

Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Nguyễn Thị Thu S với ông Phan Công K. Đương sự có quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Án phí:

Bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004386 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà S nộp đủ án phí.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu S số tiền 64.000.000đ (Sáu mươi bốn triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004385 ngày 14/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND xã N**
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa